TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 617/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 271/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số F Phan H, Phường A, quận G, nay là phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Và bà Lê Thị Thanh X, sinh năm 1975; Địa chỉ: F Phan H, Phường A, quận G, nay là phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân phường Bình Đ, Thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai cấp.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 21/7/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/8/2025; ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh M, sinh năm 2002, đã trưởng thành; Nguyễn Lê Anh T, sinh năm 2007, đã trưởng thành và Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 28/7/2011, bà Lê Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân phường Bình Đ, Thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X có 03 con chung tên Nguyễn Lê Anh M, sinh năm 2002, đã trưởng thành; Nguyễn Lê Anh T, sinh năm 2007, đã trưởng thành và Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 28/7/2011.

Bà Lê Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Minh T, ông Nguyễn Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X chịu, nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0006733 ngày 31/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị Thanh X đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND KHU VỰC A – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc